

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2020

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tập và bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ 13, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 13, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn D kết hôn tự nguyện năm 1994, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là Ủy ban nhân dân phường P), thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại tổ 13, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị T đã ra ngoài ở riêng và sống ly thân với anh D từ năm 2016 cho đến nay, nên chị T gửi đơn xin ly hôn anh D. Trong quá trình chung sống, chị T và anh D có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 23/02/1994 và Phạm Thị T, sinh ngày 06/6/1996 (các con chung đều đã trưởng thành). Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của nguyên đơn chị Bùi Thị T: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu, mải chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình và anh D còn có hành vi đánh đập chị T

Từ năm 2016 cho đến nay chị T đã sống ly thân với anh D. Khi sống ly thân, chị T ra ở riêng với con gái tại Đông Triều, còn anh D sống với con trai tại địa chỉ tổ 13, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã quá lâu không còn tình cảm chị T đề nghị được ly hôn anh D.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho anh Phạm Văn D tuy nhiên anh D vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Vũ Văn D - Trưởng khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Chị T và anh D là công dân cư trú tại tổ 13, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông D được biết là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Khi ly thân, anh D vẫn ở tại địa chỉ tổ 13, khu L còn chị T ở đâu ông D không được biết. Nay, chị T đề nghị ly hôn anh D, ông D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - chị Đoàn Thị Thanh T (là con dâu của anh Phạm Văn D và chị Bùi Thị T - Địa chỉ: Tổ 13, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Bà Bùi Thị T và ông Phạm Văn D là bố mẹ chồng của chị T. Khi chị T kết hôn với anh Phạm Quang T năm 2016 và về sống cùng với anh T và bố chồng tại địa chỉ tổ 13 khu L thì mẹ chồng chị T không còn sống chung với bố chồng chị T nữa. Còn mâu thuẫn giữa bố mẹ chồng chị T như thế nào thì chị T không được biết, nay mẹ chồng chị đề nghị ly hôn bố chồng chị, chị T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng trình tự thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị T khởi kiện về việc ly hôn với anh Phạm Văn D và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Phạm Văn D có nơi cư trú tại tổ 13, khu L, phường Y, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự; vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D là phù hợp với điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn D từ năm 1994 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hội đồng xét xử xét thấy, để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T và anh D phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị T và anh D đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh D là có thật. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, trong quá trình sống ly thân mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh D có 02 con chung là Phạm Quang T, sinh ngày 23/02/1994 và Phạm Thị T, sinh ngày 06/6/1996 (các con chung đều đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự trình bày không có tài chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phạm Văn D.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003409 ngày

16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị T, bị đơn anh Phạm Văn D, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND TP Uông Bí.
- Chi cục THADS TP Uông Bí.
- UBND phường P (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự.
- Lưu án văn + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phúc Định